

# Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024



# Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

## MỤC LỤC

|   | <i>Trang</i> |
|---|--------------|
| Thông tin chung   | 1            |
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc                           | 2            |
| Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ                 | 3 - 4        |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ | 5            |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ           | 6 - 7        |
| Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ        | 8 - 23       |

# Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0306731335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“Sở KH&ĐT”) Tỉnh Bình Dương cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và theo GCNĐKDN lần gần nhất lần thứ 32 ngày 17 tháng 5 năm 2024.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) với mã chứng khoán “MWG” theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

Hoạt động chính trong kỳ kế toán hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư vào các công ty con.

Công ty có trụ sở chính tại Số 222, Đường Yersin, Phường Phú Cường, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tòa nhà MWG, Lô T2-1.2, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

|                         |                            |
|-------------------------|----------------------------|
| Ông Nguyễn Đức Tài      | Chủ tịch                   |
| Ông Trần Huy Thanh Tùng | Thành viên điều hành       |
| Ông Đặng Minh Lượm      | Thành viên điều hành       |
| Ông Đoàn Văn Hiếu Em    | Thành viên điều hành       |
| Ông Thomas Lanyi        | Thành viên không điều hành |
| Ông Robert Willett      | Thành viên không điều hành |
| Ông Đào Thế Vinh        | Thành viên độc lập         |
| Ông Nguyễn Tiến Trung   | Thành viên độc lập         |
| Ông Đỗ Tiến Sĩ          | Thành viên độc lập         |

### ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên Ủy ban kiểm toán trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

|                       |            |
|-----------------------|------------|
| Ông Nguyễn Tiến Trung | Chủ tịch   |
| Ông Đào Thế Vinh      | Thành viên |

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

|                         |                    |
|-------------------------|--------------------|
| Ông Trần Huy Thanh Tùng | Tổng Giám đốc      |
| Ông Vũ Đăng Linh        | Giám đốc Tài chính |

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là ông Trần Huy Thanh Tùng.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") trình bày báo cáo này và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 30 tháng 7 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Trần Huy Thanh Tùng  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 30 tháng 7 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

| Mã số      | TÀI SẢN                                      | Thuyết minh | Ngày 30 tháng 6 năm 2024  | Ngày 31 tháng 12 năm 2023 |
|------------|--|-------------|---------------------------|---------------------------|
| <b>100</b> | <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   |             | <b>4.048.954.683.089</b>  | <b>2.440.488.766.880</b>  |
| <b>110</b> | <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>4</b>    | <b>249.756.326.550</b>    | <b>286.884.379.540</b>    |
| 111        | 1. Tiền                                      |             | 49.756.326.550            | 286.884.379.540           |
| 112        | 2. Các khoản tương đương tiền                |             | 200.000.000.000           | -                         |
| <b>120</b> | <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>         |             | <b>2.551.370.467.110</b>  | <b>1.765.500.000.000</b>  |
| 123        | 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn           | 5.1         | 2.551.370.467.110         | 1.765.500.000.000         |
| <b>130</b> | <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>      |             | <b>1.243.474.280.260</b>  | <b>383.704.870.270</b>    |
| 135        | 1. Phải thu về cho vay ngắn hạn              | 6           | 1.166.610.912.328         | 300.000.000.000           |
| 136        | 2. Phải thu ngắn hạn khác                    | 7           | 76.863.367.932            | 83.704.870.270            |
| <b>150</b> | <b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>             |             | <b>4.353.609.169</b>      | <b>4.399.517.070</b>      |
| 151        | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                |             | 206.775.743               | 355.649.995               |
| 153        | 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước  | 10          | 4.146.833.426             | 4.043.867.075             |
| <b>200</b> | <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                    |             | <b>21.085.767.580.598</b> | <b>22.013.726.111.979</b> |
| <b>210</b> | <b>I. Khoản phải thu dài hạn</b>             |             | <b>802.100.000.000</b>    | <b>1.889.450.000.000</b>  |
| 215        | 1. Phải thu về cho vay dài hạn               | 6           | 802.100.000.000           | 1.889.450.000.000         |
| <b>250</b> | <b>II. Đầu tư tài chính dài hạn</b>          |             | <b>20.258.877.584.454</b> | <b>20.088.607.796.059</b> |
| 251        | 1. Đầu tư vào các công ty con                | 9.1         | 20.236.757.111.707        | 20.236.757.111.707        |
| 254        | 2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn         | 9.1         | (148.149.315.648)         | (148.149.315.648)         |
| 255        | 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn           | 5.2         | 170.269.788.395           | -                         |
| <b>260</b> | <b>III. Tài sản dài hạn khác</b>             |             | <b>24.789.996.144</b>     | <b>35.668.315.920</b>     |
| 261        | 1. Chi phí trả trước dài hạn                 | 8           | 24.789.996.144            | 35.668.315.920            |
| <b>270</b> | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                     |             | <b>25.134.722.263.687</b> | <b>24.454.214.878.859</b> |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

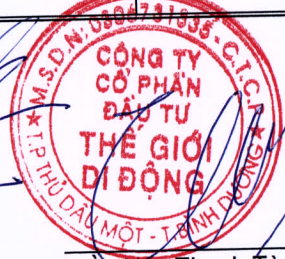
| Mã số      | NGUỒN VỐN   | Thuyết minh | Ngày 30 tháng 6 năm 2024  | Ngày 31 tháng 12 năm 2023 |
|------------|---|-------------|---------------------------|---------------------------|
| <b>300</b> | <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>   |             | <b>6.954.503.728.521</b>  | <b>6.396.669.850.014</b>  |
| <b>310</b> | <b>I. Nợ ngắn hạn</b>   |             | <b>822.628.728.521</b>    | <b>411.419.850.014</b>    |
| 319        | 1. Chi phí phải trả ngắn hạn                                  | 11          | 88.474.458.719            | 109.825.232.137           |
| 320        | 2. Phải trả ngắn hạn khác                                     | 12          | 734.154.269.802           | 1.594.617.877             |
|            | 3. Vay ngắn hạn   |             | -                         | 300.000.000.000           |
| <b>330</b> | <b>II. Nợ dài hạn</b>   |             | <b>6.131.875.000.000</b>  | <b>5.985.250.000.000</b>  |
| 338        | 1. Vay dài hạn  | 13          | 6.131.875.000.000         | 5.985.250.000.000         |
| <b>400</b> | <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                      |             | <b>18.180.218.535.166</b> | <b>18.057.545.028.845</b> |
| <b>410</b> | <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                      | <b>14.1</b> | <b>18.180.218.535.166</b> | <b>18.057.545.028.845</b> |
| 411        | 1. Vốn cổ phần  |             | 14.622.441.770.000        | 14.633.767.160.000        |
| 411a       | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                      |             | 14.622.441.770.000        | 14.633.767.160.000        |
| 412        | 2. Thặng dư vốn cổ phần                                       |             | 522.021.325.200           | 522.021.325.200           |
| 415        | 3. Cổ phiếu quỹ   |             | (3.287.890.000)           | (9.783.280.000)           |
| 421        | 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                          |             | 3.039.043.329.966         | 2.911.539.823.645         |
| 421a       | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước |             | 2.180.582.129.645         | 3.026.110.399.553         |
| 421b       | - Lợi nhuận (lỗ) sau thuế chưa phân phối kỳ này               |             | 858.461.200.321           | (114.570.575.908)         |
| <b>440</b> | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                                    |             | <b>25.134.722.263.687</b> | <b>24.454.214.878.859</b> |



Lý Trần Kim Ngân  
Người lập



Vũ Đăng Linh  
Giám đốc Tài chính



Trần Huy Thanh Tùng  
Tổng Giám đốc

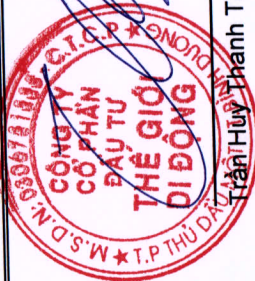
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

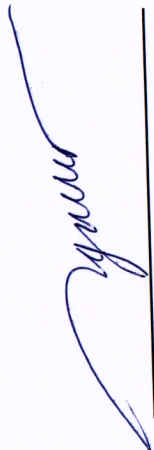
Ngày 30 tháng 7 năm 2024

## Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

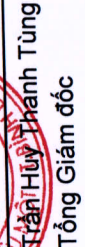
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

| CHỈ TIÊU                                  | Mã số | Thuyết minh | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 |                   | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 |                     |
|---|-------|-------------|---|-------------------|---|---------------------|
|   |       |             | Số quý này Năm nay  | Số lũy kế Năm nay | Số quý này Năm trước  | Số lũy kế Năm trước |
|   |       |             | VND   | VND               | VND   | VND                 |
| 1 Doanh thu hoạt động tài chính           | 21    | 15          | 895.152.770.748   | 1.245.187.058.691 | 131.415.682.976   | 226.186.716.423     |
| 2 Chi phí tài chính                       | 22    | 16          | (148.372.703.999)   | (372.833.213.565) | (138.703.695.916)   | (207.022.696.355)   |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay               | 23    |             | (98.219.637.617)  | (215.152.068.789) | (133.353.163.081)   | (196.321.916.133)   |
| 3 Chi phí quản lý doanh nghiệp            | 26    | 17          | (12.887.814.390)  | (13.892.644.805)  | (6.528.361.214)   | (12.206.778.187)    |
| 4 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30    |             | 733.892.252.359   | 858.461.200.321   | (13.816.374.154)  | 6.957.241.881       |
| 5 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế       | 50    |             | 733.892.252.359   | 858.461.200.321   | (13.816.374.154)  | 6.957.241.881       |
| 6 Chi phí thuế TNDN hiện hành             | 51    | 18.1        | -   | -                 | -   | -                   |
| 7 Lợi nhuận sau thuế TNDN                 | 60    |             | 733.892.252.359   | 858.461.200.321   | (13.816.374.154)  | 6.957.241.881       |



  
Lý Trần Kim Ngân  
Người lập

  
Vũ Đăng Linh  
Giám đốc Tài chính

  
Trần Huy Thanh Tùng  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam  
Ngày 30 tháng 7 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

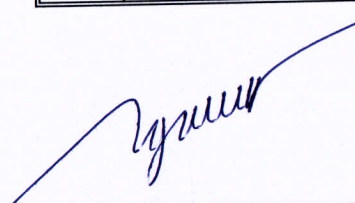
| Mã số | CHỈ TIÊU  | Thuyết minh | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 |
|-------|---|-------------|--|--|
|       | <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>   |             |  |  |
| 01    | <b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>   |             | <b>858.461.200.321</b>                                     | <b>6.957.241.881</b>                                       |
|       | <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>  |             |  |  |
| 04    | Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ |             | 146.625.000.000  | (1.875.000.000)  |
| 05    | Lãi từ hoạt động đầu tư   |             | (1.245.187.058.691)  | (200.441.314.635)  |
| 06    | Chi phí lãi vay   | 16          | 215.152.068.789  | 196.321.916.133  |
| 08    | <b>(Lỗ) lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>                 |             | <b>(24.948.789.581)</b>                                    | <b>962.843.379</b>   |
| 09    | Tăng các khoản phải thu   |             | (52.965.714)   | (2.121.381.153)  |
| 11    | Tăng (giảm) các khoản phải trả  |             | 1.641.560.876  | (22.420.542.671)   |
| 12    | Giảm (tăng) chi phí trả trước   |             | 11.027.194.028   | (25.000.005)   |
| 14    | Tiền lãi vay đã trả   |             | (236.542.445.167)  | (177.224.578.244)  |
| 20    | <b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>                             |             | <b>(248.875.445.558)</b>                                   | <b>(200.828.658.694)</b>                                   |
|       | <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>  |             |  |  |
| 23    | Tiền chi cho vay và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn  |             | (2.853.251.167.833)  | (2.646.214.000.000)  |
| 24    | Tiền thu hồi cho vay, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn  |             | 2.117.850.000.000  | 1.567.615.692.433  |
| 27    | Tiền thu lãi từ tiền gửi, cho vay và cổ tức   |             | 1.251.978.560.401  | 135.623.262.981  |
| 30    | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>                            |             | <b>516.577.392.568</b>                                     | <b>(942.975.044.586)</b>                                   |
|       | <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>  |             |  |  |
| 32    | Mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành  | 14.1        | (4.830.000.000)  | (7.664.060.000)  |
| 33    | Tiền thu từ đi vay  | 13.1        | -  | 300.000.000.000  |
| 34    | Tiền trả nợ gốc vay   | 13.1        | (300.000.000.000)  | -  |





BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

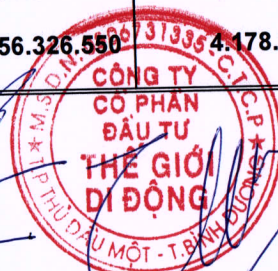
VND

| Mã số | CHỈ TIÊU   | Thuyết minh | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 |
|-------|--|-------------|--|--|
| 40    | Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính |             | (304.830.000.000)  | 292.335.940.000  |
| 50    | Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ                             |             | (37.128.052.990)   | (851.467.763.280)  |
| 60    | Tiền và tương đương tiền đầu kỳ                            |             | 286.884.379.540  | 855.646.065.874  |
| 70    | Tiền cuối kỳ   | 4           | 249.756.326.550  | 4.178.302.594  |

  
Lý Trần Kim Ngân  
Người lập

  
Vũ Đăng Linh  
Giám đốc Tài chính

  
Trần Huy Thanh Tùng  
Tổng Giám đốc



Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 30 tháng 7 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0306731335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“Sở KH&ĐT”) Tỉnh Bình Dương cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và theo GCNĐKDN lần gần nhất lần thứ 32 ngày 17 tháng 5 năm 2024.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) với mã chứng khoán “MWG” theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư vào các công ty con.

Công ty có trụ sở chính tại Số 222, Đường Yersin, Phường Phú Cường, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tòa nhà MWG, Lô T2-1.2, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**Cơ cấu tổ chức**

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có bảy (7) công ty con trực tiếp như sau:

| Tên công ty   | Trụ sở                           | Lĩnh vực kinh doanh         | Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết (%) |                           |
|---|----------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------|---------------------------|
|   |                                  |                             | Ngày 30 tháng 6 năm 2024             | Ngày 31 tháng 12 năm 2023 |
| <b>Công ty con</b>  |                                  |                             |                                      |                           |
| Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động                              | Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  | Thương mại sản phẩm điện tử | 99,95                                | 99,95                     |
| Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Hóa Xanh             | Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  | Quản lý khoản đầu tư        | 94,99                                | 99,99                     |
| Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh                          | Thành phố Hà Nội, Việt Nam       | Thương mại sản phẩm điện tử | 99,33                                | 99,33                     |
| Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động         | Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  | Công nghệ thông tin         | 100,00                               | 100,00                    |
| Công ty Cổ phần 4K Farm                                       | Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam | Nông nghiệp                 | 99,99                                | 99,99                     |
| Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín                            | Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  | Kho vận                     | 99,99                                | 99,99                     |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt - Sửa chữa - Bảo hành Tận Tâm | Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  | Dịch vụ lắp đặt, bảo trì    | 99,99                                | 99,99                     |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 9.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đến ngày 30 tháng 7 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

### 2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản tiền gửi kỳ hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.3 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty, và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

#### 3.4 *Các khoản đầu tư*

*Đầu tư vào các công ty con*

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.5 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.6 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.8 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

**3.9 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**3.10 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

**3.11 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

|                        | VND                           |                               |
|------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
|                        | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2024   | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2023  |
| Tiền gửi ngân hàng     | 49.756.326.550                | 286.884.379.540               |
| Tiền gửi có kỳ hạn (i) | 200.000.000.000               | -                             |
| <b>TỔNG CỘNG</b>       | <b><u>249.756.326.550</u></b> | <b><u>286.884.379.540</u></b> |

(i) Đây là các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng lãi suất áp dụng.

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

**5.1. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

|                        | VND                             |                                 |
|------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
|                        | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2024     | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2023    |
| Tiền gửi có kỳ hạn (i) | 55.000.000.000                  | 685.500.000.000                 |
| Khác (ii)              | 2.496.370.467.110               | 1.080.000.000.000               |
| <b>TỔNG CỘNG</b>       | <b><u>2.551.370.467.110</u></b> | <b><u>1.765.500.000.000</u></b> |

(i) Đây là các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn dưới 1 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

(ii) Đây là các khoản trái phiếu nắm giữ và khoản đầu tư khác có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

**5.2. Khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Đầu tư tài chính dài hạn thể hiện khoản trái phiếu nắm giữ có kỳ hạn trên 1 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

**6. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

|  | VND                             |                                 |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
|  | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2024     | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2023    |
| <b>Ngắn hạn</b>  | <b>1.166.610.912.328</b>        | <b>300.000.000.000</b>          |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán (i)                              | 1.166.610.912.328               | 300.000.000.000                 |
| <b>Dài hạn</b>   | <b>802.100.000.000</b>          | <b>1.889.450.000.000</b>        |
| Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (ii)<br>(Thuyết minh số 19) | 802.100.000.000                 | 1.889.450.000.000               |
| <b>TỔNG CỘNG</b>   | <b><u>1.968.710.912.328</u></b> | <b><u>2.189.450.000.000</u></b> |

(i) Phải thu cho vay thể hiện khoản cho vay tín chấp có kỳ hạn từ 1 tháng đến 6 tháng và hưởng lãi suất áp dụng.

(ii) Phải thu cho vay thể hiện khoản cho công ty con vay tín chấp có kỳ hạn 3 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

|  | VND                          |                              |
|--|------------------------------|------------------------------|
|  | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2024  | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2023 |
| Lãi trái phiếu phải thu                                | 32.000.747.245               | 17.187.966.890               |
| Lãi cho vay phải thu                                   | 8.197.694.327                | 4.975.342.467                |
| Lãi tiền gửi phải thu                                  | 6.030.452.052                | 45.550.309.582               |
| Khác   | -                            | 50.000.637                   |
| Phải thu từ bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 19</i> ) | 30.634.474.308               | 15.941.250.694               |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                       | <b><u>76.863.367.932</u></b> | <b><u>83.704.870.270</u></b> |

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

|                           | VND                         |                              |
|---------------------------|-----------------------------|------------------------------|
|                           | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2024 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2023 |
| Chi phí thu xếp khoản vay | <u>24.789.996.144</u>       | <u>35.668.315.920</u>        |

**9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

|  | VND                              |                                  |
|--|----------------------------------|----------------------------------|
|  | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2024      | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2023     |
| Đầu tư vào công ty con ( <i>Thuyết minh số 9.1</i> )           | 20.236.757.111.707               | 20.236.757.111.707               |
| Dự phòng khoản đầu tư dài hạn<br>( <i>Thuyết minh số 9.1</i> ) | <u>(148.149.315.648)</u>         | <u>(148.149.315.648)</u>         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>   | <b><u>20.088.607.796.059</u></b> | <b><u>20.088.607.796.059</u></b> |



# Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

### 9.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty con như sau:

| Tên công ty   | Địa chỉ                          | Hoạt động chính                       | Ngày 30 tháng 6 năm 2024  |             | Ngày 31 tháng 12 năm 2023 |                           |                          |
|---|----------------------------------|---------------------------------------|---------------------------|-------------|---------------------------|---------------------------|--------------------------|
|   |                                  |                                       | Giá gốc đầu tư<br>VND     | %<br>sở hữu | Dự phòng<br>VND           | %<br>sở hữu               | Giá gốc đầu tư<br>VND    |
| Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Hóa Xanh             | Hồ Chí Minh, Việt Nam            | Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam       | 14.049.800.000.000        | 94,99       | -                         | 14.049.800.000.000        | -                        |
| Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động                              | Hồ Chí Minh, Việt Nam            | Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam       | 4.426.023.111.000         | 99,95       | -                         | 4.426.023.111.000         | -                        |
| Công ty Cổ phần Thế Giới Số Trần Anh                          | Hà Nội, Việt Nam                 | Thành phố Hà Nội, Việt Nam            | 860.937.300.707           | 99,33       | -                         | 860.937.300.707           | -                        |
| Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động         | Hồ Chí Minh, Việt Nam            | Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam       | 538.000.000.000           | 100,00      | -                         | 538.000.000.000           | -                        |
| Công ty Cổ phần 4K Farm                                       | Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam | Thành phố Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam | 161.998.900.000           | 99,99       | (148.149.315.648)         | 161.998.900.000           | (148.149.315.648)        |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt - Sửa chữa - Bảo hành Tận Tâm | Hồ Chí Minh, Việt Nam            | Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam       | 99.998.900.000            | 99,99       | -                         | 99.998.900.000            | -                        |
| Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín                            | Hồ Chí Minh, Việt Nam            | Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam       | 99.998.900.000            | 99,99       | -                         | 99.998.900.000            | -                        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>  |                                  |                                       | <b>20.236.757.111.707</b> |             | <b>(148.149.315.648)</b>  | <b>20.236.757.111.707</b> | <b>(148.149.315.648)</b> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

|                               |                              |                    |                  | VND                         |
|-------------------------------|------------------------------|--------------------|------------------|-----------------------------|
|                               | Ngày 31 tháng<br>12 năm 2023 | Tăng trong kỳ      | Giảm trong kỳ    | Ngày 30 tháng<br>6 năm 2024 |
| <b>Phải thu</b>               |                              |                    |                  |                             |
| Thuế thu nhập<br>doanh nghiệp | 4.043.554.525                | -                  | -                | 4.043.554.525               |
| Thuế giá trị<br>gia tăng      | 25.000                       | 103.142.974        | (176.623)        | 102.991.351                 |
| Khác                          | 287.550                      | -                  | -                | 287.550                     |
| <b>TỔNG CỘNG</b>              | <b>4.043.867.075</b>         | <b>103.142.974</b> | <b>(176.623)</b> | <b>4.146.833.426</b>        |

**11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

|                        |                             |                              | VND |
|------------------------|-----------------------------|------------------------------|-----|
|                        | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2024 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2023 |     |
| Chi phí đảm bảo tỷ giá | 73.340.000.002              | 87.461.604.847               |     |
| Chi phí lãi vay        | 14.909.458.250              | 22.180.061.794               |     |
| Khác                   | 225.000.467                 | 183.565.496                  |     |
| <b>TỔNG CỘNG</b>       | <b>88.474.458.719</b>       | <b>109.825.232.137</b>       |     |

**12. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

|                                       |                             |                              | VND |
|---------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|-----|
|                                       | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2024 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2023 |     |
| Cổ tức phải trả (Thuyết minh số 14.1) | 730.957.694.000             | -                            |     |
| Khác                                  | 3.196.575.802               | 1.594.617.877                |     |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                      | <b>734.154.269.802</b>      | <b>1.594.617.877</b>         |     |

## Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 13. VAY

|   | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2023 | Tăng trong kỳ          | Giảm trong kỳ            | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2024 |
|---|------------------------------|------------------------|--------------------------|-----------------------------|
| <b>Ngắn hạn</b>                                   |                              |                        |                          | VND                         |
| Vay ngắn hạn từ ngân hàng                         | 300.000.000.000              | -                      | (300.000.000.000)        | -                           |
|   | 300.000.000.000              | -                      | (300.000.000.000)        | -                           |
| <b>Dài hạn</b>                                    |                              |                        |                          |                             |
| Vay dài hạn từ ngân hàng<br>(Thuyết minh số 13.1) | 5.985.250.000.000            | 146.625.000.000        | -                        | 6.131.875.000.000           |
|   | 5.985.250.000.000            | 146.625.000.000        | -                        | 6.131.875.000.000           |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                  | <b>6.285.250.000.000</b>     | <b>146.625.000.000</b> | <b>(300.000.000.000)</b> | <b>6.131.875.000.000</b>    |

#### 13.1 Vay ngân hàng

Công ty thực hiện các khoản vay tín chấp với lãi suất thả nổi nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, chi tiết như sau:

| Khoản vay                            | Ngày 30 tháng 6 năm 2024 |             | Ngày đáo hạn             |
|--------------------------------------|--------------------------|-------------|--------------------------|
|                                      | VND                      | Gốc USD     |                          |
| Khoản vay tín chấp ngân hàng dài hạn | 6.131.875.000.000        | 250.000.000 | Ngày 16 tháng 9 năm 2025 |

## Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 14.1 Tình hình tăng (giảm) nguồn vốn chủ sở hữu

|   | Vốn cổ phần        | Thặng dư<br>vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ    | Lợi nhuận sau thuế<br>chưa phân phối | Tổng cộng          |
|---|--------------------|-------------------------|-----------------|--------------------------------------|--------------------|
|   |                    |                         |                 |                                      | VND                |
| <b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</b> |                    |                         |                 |                                      |                    |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2022   | 14.638.792.800.000 | 522.021.325.200         | (5.025.640.000) | 3.757.390.423.053                    | 18.913.178.908.253 |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ  | -                  | -                       | -               | 6.957.241.881                        | 6.957.241.881      |
| Mua lại cổ phiếu quỹ  | -                  | -                       | (7.664.060.000) | -                                    | (7.664.060.000)    |
| Hủy cổ phiếu quỹ  | (5.025.640.000)    | -                       | 5.025.640.000   | -                                    | -                  |
| Chia cổ tức tiền  | -                  | -                       | -               | (731.280.023.500)                    | (731.280.023.500)  |
| Ngày 30 tháng 6 năm 2023  | 14.633.767.160.000 | 522.021.325.200         | (7.664.060.000) | 3.033.067.641.434                    | 18.181.192.066.634 |
| <b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</b> |                    |                         |                 |                                      |                    |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2023   | 14.633.767.160.000 | 522.021.325.200         | (9.783.280.000) | 2.911.539.823.645                    | 18.057.545.028.845 |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ  | -                  | -                       | -               | 858.461.200.321                      | 858.461.200.321    |
| Mua lại cổ phiếu quỹ  | -                  | -                       | (4.830.000.000) | -                                    | (4.830.000.000)    |
| Hủy cổ phiếu quỹ (i)  | (11.325.390.000)   | -                       | 11.325.390.000  | -                                    | -                  |
| Chia cổ tức tiền (ii)   | -                  | -                       | -               | (730.957.694.000)                    | (730.957.694.000)  |
| Ngày 30 tháng 6 năm 2024  | 14.622.441.770.000 | 522.021.325.200         | (3.287.890.000) | 3.039.043.329.966                    | 18.180.218.535.166 |

- (i) Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua việc giảm vốn cổ phần bằng cách hủy 1.132.539 cổ phiếu cổ phiếu quỹ mà Công ty mua lại từ người lao động đã nghỉ việc với mức mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu theo Nghị quyết số 01/NQ/ĐHĐCĐ/2024 ngày 13 tháng 4 năm 2024. Vào ngày 17 tháng 5 năm 2024, Công ty đã nhận Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 32 được cấp bởi Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương về việc giảm vốn điều lệ của Công ty từ 14.633.767.160.000 VND xuống 14.622.441.770.000 VND vào ngày này.
- (ii) Theo Nghị quyết số 01/NQ/ĐHĐCĐ/2024 ngày 13 tháng 4 năm 2024 và theo Nghị quyết số 08/NQ/HĐQT-2024 ngày 11 tháng 6 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền cho cổ đông hiện hữu của Công ty với tỷ lệ 5% trên mệnh giá mỗi cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**14.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

|                  | VND   |   |
|------------------|---|---|
|                  | Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2024 | Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2023 |
| Số đầu kỳ        | 14.633.767.160.000  | 14.638.792.800.000  |
| Hủy cổ phiếu quỹ | <u>(11.325.390.000)</u>   | <u>(5.025.640.000)</u>  |
| Số cuối kỳ       | <u>14.622.441.770.000</u>   | <u>14.633.767.160.000</u>   |

**14.3 Cổ phiếu**

|   | Số cổ phiếu                 |                              |
|---|-----------------------------|------------------------------|
|   | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2024 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2023 |
| Số lượng cổ phiếu được phép phát hành                 | 1.462.244.177               | 1.463.376.716                |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ |                             |                              |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i>                             | 1.462.244.177               | 1.463.376.716                |
| Số lượng cổ phiếu quỹ                                 |                             |                              |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i>                             | (328.789)                   | (978.328)                    |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành                       |                             |                              |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i>                             | 1.461.915.388               | 1.462.398.388                |

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND thể hiện một quyền biểu quyết. không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

|                                | VND   |   |
|--------------------------------|---|---|
|                                | <i>Cho kỳ kế toán<br/>sáu tháng kết thúc<br/>ngày 30 tháng 6<br/>năm 2024</i> | <i>Cho kỳ kế toán<br/>sáu tháng kết thúc<br/>ngày 30 tháng 6<br/>năm 2023</i> |
| Thu nhập từ cổ tức             | 1.049.418.269.044   | -   |
| Lãi thu từ trái phiếu          | 85.675.306.761  | 2.195.896.855   |
| Lãi tiền cho vay               | 82.805.994.544  | 112.835.022.222   |
| Lãi tiền gửi                   | 27.287.488.342  | 85.410.395.558  |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái | -   | 4.421.788.466   |
| Khác                           | -   | 21.323.613.322  |
| <b>TỔNG CỘNG</b>               | <b><u>1.245.187.058.691</u></b>   | <b><u>226.186.716.423</u></b>   |

**16. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

|                               | VND   |   |
|-------------------------------|---|---|
|                               | <i>Cho kỳ kế toán<br/>sáu tháng kết thúc<br/>ngày 30 tháng 6<br/>năm 2024</i> | <i>Cho kỳ kế toán<br/>sáu tháng kết thúc<br/>ngày 30 tháng 6<br/>năm 2023</i> |
| Chi phí lãi vay               | 215.152.068.789   | 196.321.916.133   |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái | 146.625.000.000   | 285.447   |
| Chi phí thu xếp khoản vay     | 11.056.144.776  | 10.700.494.775  |
| <b>TỔNG CỘNG</b>              | <b><u>372.833.213.565</u></b>   | <b><u>207.022.696.355</u></b>   |

**17. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

|                           | VND   |   |
|---------------------------|---|---|
|                           | <i>Cho kỳ kế toán<br/>sáu tháng kết thúc<br/>ngày 30 tháng 6<br/>năm 2024</i> | <i>Cho kỳ kế toán<br/>sáu tháng kết thúc<br/>ngày 30 tháng 6<br/>năm 2023</i> |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 11.979.913.539  | 10.238.149.397  |
| Chi phí tư vấn            | 1.414.869.371   | 1.362.784.342   |
| Khác                      | 497.861.895   | 605.844.448   |
| <b>TỔNG CỘNG</b>          | <b><u>13.892.644.805</u></b>  | <b><u>12.206.778.187</u></b>  |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**18.1 Chi phí thuế TNDN**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

|  | VND   |   |
|--|---|---|
|  | <i>Cho kỳ kế toán<br/>sáu tháng kết thúc<br/>ngày 30 tháng 6<br/>năm 2024</i> | <i>Cho kỳ kế toán<br/>sáu tháng kết thúc<br/>ngày 30 tháng 6<br/>năm 2023</i> |
| <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>         | <b>858.461.200.321</b>  | <b>6.957.241.881</b>  |
| Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty | 171.692.240.064   | 1.391.448.376   |
| <i>Các khoản điều chỉnh:</i>                     |   |   |
| Lỗi năm trước chuyển sang                        | -   | (1.391.448.376)   |
| Thu nhập từ cổ tức                               | (209.883.653.809)   | -   |
| Lỗi thuế chưa ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại    | 38.191.413.745  | -   |
| <b>Chi phí thuế TNDN</b>                         | <b>-</b>  | <b>-</b>  |

**18.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

| <i>Bên liên quan</i>  | <i>Mối quan hệ</i>           |
|---|------------------------------|
| Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động                              | Công ty con                  |
| Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Hóa Xanh             | Công ty con                  |
| Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh                          | Công ty con                  |
| Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động         | Công ty con                  |
| Công ty Cổ phần 4K Farm                                       | Công ty con                  |
| Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín                            | Công ty con                  |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt - Sửa chữa - Bảo hành Tận Tâm | Công ty con                  |
| Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh                      | Công ty con gián tiếp        |
| Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma                     | Công ty con gián tiếp        |
| Công ty TNHH VuiVui   | Công ty con gián tiếp        |
| MWG (Cambodia) Co., Ltd                                       | Công ty con gián tiếp        |
| PT Era Blu Elektronik   | Công ty liên doanh           |
| Ông Robert Willett  | Thành viên Hội đồng Quản trị |

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

| <i>Bên liên quan</i>             | <i>Nội dung nghiệp vụ</i> | <i>VND</i>  |   |
|----------------------------------|---------------------------|---|---|
|                                  |                           | <i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i> | <i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> |
| Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động | Thu hồi khoản cho vay     | 1.087.350.000.000   | -   |
|                                  | Thu nhập từ cổ tức        | 1.049.418.269.044   | -   |
|                                  | Lãi cho vay               | 67.550.765.971  | 112.835.022.222   |
|                                  | Cho vay                   | -   | 650.000.000.000   |
| Công ty Cổ phần 4K Farm          | Tạm ứng                   | -   | 2.000.000.000   |
| Ông Robert Willett               | Chi phí tư vấn            | 1.523.449.258   | 1.113.784.341   |

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

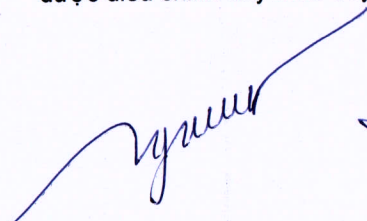
| <i>Bên liên quan</i>                   | <i>Nội dung nghiệp vụ</i> | <i>VND</i>                      |                                  |
|--|---------------------------|---------------------------------|----------------------------------|
|  |                           | <i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i> |
| <b><i>Phải thu cho vay dài hạn</i></b> |                           |                                 |                                  |
| Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động       | Cho vay                   | <u>802.100.000.000</u>          | <u>1.889.450.000.000</u>         |
| <b><i>Phải thu ngắn hạn khác</i></b>   |                           |                                 |                                  |
| Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động       | Lãi cho vay               | <u>30.634.474.308</u>           | <u>15.941.250.694</u>            |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

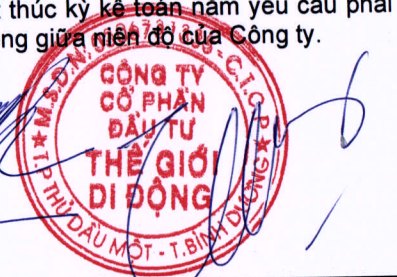
Không có sự kiện nào trọng yếu phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Lý Trần Kim Ngân  
Người lập



Vũ Đăng Linh  
Giám đốc Tài chính



Trần Huy Thanh Tùng  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 30 tháng 7 năm 2024

